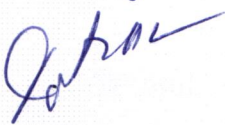


Số: 2073/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 26 tháng 8 năm 2021

- Gửi Đ/C Tỉnh  
- Gửi Trưởng T/H S/Hoàn Lương  


### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế  
theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP,  
Nghị định số 143/2020/NĐ-CP đợt II năm 2021

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 về chính sách tinh giản biên chế; số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; số 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC ngày 14/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ và Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình liên ngành số 468/TTrLN-SNV-STC ngày 11/8/2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt danh sách đối tượng tinh giản biên chế và kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế thuộc Ủy ban nhân dân huyện Yên Mỹ và Ủy ban nhân dân thành phố Hưng Yên theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, đợt II năm 2021 như sau:

1. Đối tượng tinh giản biên chế: Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện chính sách thôi việc ngay.

2. Số lượng: 02 người

3. Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách cho các đối tượng tinh giản biên chế là 359.661.165 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu, sáu trăm sáu mươi một nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng).

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Bố trí từ nguồn dự toán ngân sách nhà nước của đơn vị sự nghiệp công lập được cấp có thẩm quyền giao hằng năm, nguồn thu của đơn vị được để lại sử dụng theo quy định, các nguồn kinh phí hợp pháp khác và nguồn ngân sách nhà nước cấp bổ sung để thực hiện tinh giản biên chế.

(Chi tiết tại danh sách kèm theo).

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Mỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hưng Yên kiểm tra trước khi ban hành quyết định cho thôi việc ngay đối với từng đối tượng tinh giản biên chế, bảo đảm theo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục, hồ sơ, đối tượng thực hiện tinh giản biên chế và diễn biến tiền lương theo chức danh, ngạch, bậc của đối tượng tinh giản biên chế; đồng thời thực hiện việc chi trả các chế độ, chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế theo đúng các quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC.

2. Giao Giám đốc Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách cho đối tượng tinh giản biên chế; hướng dẫn, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí thực hiện tinh giản biên chế theo đúng quy định.

3. Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện chính sách tinh giản biên chế; giải quyết chế độ, chính sách cho các đối tượng tinh giản biên chế và quản lý, sử dụng số biên chế đã thực hiện tinh giản bảo đảm theo đúng các quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, Nghị định số 113/2018/NĐ-CP, Nghị định số 143/2020/NĐ-CP và Thông tư liên tịch số 01/2015/TTLT-BNV-BTC.

4. Giao Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội cho đối tượng tinh giản biên chế theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Nội vụ, Tài chính, Kho bạc nhà nước Hưng Yên, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Yên Mỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hưng Yên; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; các đối tượng tinh giản biên chế có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*th*

Nơi nhận: *pv*

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT; CVNC<sup>T</sup>. *h*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Trần Quốc Văn**

Ký bởi: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh  
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên  
Ngày ký: 27/08/2021 06:53:45



DANH SÁCH VIÊN CHỨC THỰC HIỆN TÍNH GIÁN BIÊN CHẾ  
ĐỢT II NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc/Họ và tên cán bộ, CCVC và người lao động	Ngày, tháng, năm sinh	Trình độ đào tạo	Chức danh chuyên môn hiện đang đảm nhiệm	Thời điểm tính tính gián BC	Tổng cộng	Kinh phí do Ngân sách nhà nước cấp				Lý do tính gián
							Kinh phí thực hiện chế độ nghỉ hưu trước tuổi (đồng)		Kinh phí thực hiện chế độ mới việc ngay (đồng)		
							Trợ cấp tính cho thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do có đủ 20 năm đóng BHXH	Trợ cấp do đóng BHXH	
1	Nguyễn Đình Chuyên	01/11/1978	Đại học	Giáo viên Trường Trung học cơ sở Hoàn Long, huyện Yên Mỹ	01/09/2021	121,867,830	9	10	11	12	Năm học 2020-2021 không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tính gián biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đóng ý theo các Nghị định: 108/2014/NĐ-CP; 113/2018/NĐ-CP; 143/2020/NĐ-CP
2	Lê Duy Hưng	11/07/1978	Trung cấp	Giáo viên Trường Tiểu học Liên Phương, thành phố Hưng Yên	01/09/2021	237,793,335	-	-	22,140,804	215,652,531	Năm học 2020-2021 không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tính gián biên chế, cá nhân tự nguyện thực hiện tính gián biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đóng ý theo các Nghị định: 108/2014/NĐ-CP; 113/2018/NĐ-CP; 143/2020/NĐ-CP
<b>TỔNG</b>						<b>359,661,165</b>	-	-	<b>38,514,414</b>	<b>321,146,751</b>	

ps